CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 07 năm 2008.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà Xuất bản Giáo dục là 40% vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 15 Nguyễn Chí Thanh - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511.3827374
- Fax: 0511.3889957

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất kinh doanh: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc;
- Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 28 người, trong đó nhân viên quản lý là 06 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Huỳnh Bá Vân	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007
• Ông Hồ Văn Lĩnh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007
• Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007
• Ông Phạm Văn An	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007
• Ông Phạm Thanh Nam	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/06/2007

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

• Ông Phạm Tiến Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/10/2008
• Ông Lê Quang Tiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007
• Ông Trần Công Hội	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Hồ Văn Lĩnh	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010
• Bà Trần Thị Kim Hương	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010
• Ông Trần Phước Chương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/04/2007 Miễn nhiệm ngày 29/01/2010 Tái bổ nhiệm ngày 15/07/2010
• Ông Nguyễn Quang Dũng	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Hồ Văn Lĩnh

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA POLARIS INTERNATIONAL
Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 1230/BCKT-AAC *Đà Nẵng, ngày 03 tháng 8 năm 2010*

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được lập ngày 03/8/2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về các Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu các báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng các Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

KT. Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số B 01-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**61.279.098.936**	**54.095.420.274**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**7.128.016.713**	**4.229.054.964**
1. Tiền	111		4.828.016.713	3.216.054.964
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.300.000.000	1.013.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**387.750.000**	**346.500.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		748.995.000	748.995.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(361.245.000)	(402.495.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**36.028.200.517**	**11.145.035.412**
1. Phải thu khách hàng	131		35.932.509.529	10.235.201.848
2. Trả trước cho người bán	132		93.343.500	243.449.192
3. Các khoản phải thu khác	135	7	2.347.488	666.384.372
IV. Hàng tồn kho	**140**		**16.101.745.572**	**36.237.855.166**
1. Hàng tồn kho	141	8	17.673.568.947	37.809.678.541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.571.823.375)	(1.571.823.375)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.633.386.134**	**2.136.974.732**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.128.405.830	1.846.097.866
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		136.085.417	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	368.894.887	290.876.866
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**19.211.559.418**	**16.861.442.884**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**7.412.059.418**	**6.061.942.884**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.501.684.241	575.164.325
- Nguyên giá	*222*		*2.011.676.872*	*985.795.963*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(509.992.631)*	*(410.631.638)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	5.910.375.177	5.486.778.559
- Nguyên giá	228		*5.910.375.177*	*5.486.778.559*
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	13	**11.799.500.000**	**10.799.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6.350.000.000	5.350.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**80.490.658.354**	**70.956.863.158**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**23.354.042.958**	**20.109.554.480**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**23.354.042.958**	**20.109.554.480**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	-	5.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		15.997.037.198	8.266.920.993
3. Người mua trả tiền trước	313		2.728.812.564	2.865.179
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.748.721.450	1.700.674.377
5. Phải trả người lao động	315		1.352.519.638	647.813.405
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	60.268.200	4.032.574.637
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		466.683.908	458.705.889
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**57.136.615.396**	**50.847.308.678**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**17**	**57.136.615.396**	**50.847.308.678**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	17	(202.238.710)	(152.063.710)
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	1.318.043.098	973.679.961
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	6.020.811.008	25.692.427
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**80.490.658.354**	**70.956.863.158**

Giám đốc

Hồ Văn Lĩnh

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2010

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
1.	**Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ**	**01**	**18**	**56.231.004.587**	**47.537.864.490**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	904.819.557	626.143.895
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	55.326.185.030	46.911.720.595
4.	Giá vốn hàng bán	11	19	41.310.253.901	36.643.662.598
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**14.015.931.129**	**10.268.057.997**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	461.741.243	269.567.708
7.	Chi phí tài chính	22	21	658.357.569	493.834.773
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*281.780.376*	*113.931.000*
8.	Chi phí bán hàng	24		2.072.325.312	1.789.583.295
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.692.780.866	2.246.167.861
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**9.054.208.625**	**6.008.039.776**
11.	Thu nhập khác	31		6.000.000	-
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**6.000.000**	**-**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**	**22**	**9.060.208.625**	**6.008.039.776**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	2.172.945.888	1.015.344.127
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**	**22**	**6.887.262.737**	**4.992.695.649**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	23	1.382	999

Giám đốc

Hồ Văn Lĩnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	32.354.824.734	29.439.451.255
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(11.998.783.720)	(20.596.168.747)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.733.850.789)	(1.375.806.873)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(281.780.376)	(113.931.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.015.344.127)	(377.473.681)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	548.053.871	553.653.588
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.949.046.560)	(1.789.438.014)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**12.924.073.033**	**5.740.286.528**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.449.477.527)	(350.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	461.741.243	269.567.708
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(987.736.284)**	**(80.432.292)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(50.175.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.688.600.000	8.600.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.688.600.000)	(8.600.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.987.200.000)	(1.400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(9.037.375.000)**	**(1.400.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**2.898.961.749**	**4.259.854.236**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.229.054.964	3.132.152.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**7.128.016.713**	**7.392.007.116**

Giám đốc

Hồ Văn Lĩnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 08 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 24 tháng 07 năm 2008.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp thuê đất).

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.

4.8. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.12. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13. Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15. Thuế suất và các loại phí nộp ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
  - ➢ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%.
  - ➢ Đối với sản phẩm sách tham khảo và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	19.428.782	9.240.000
Tiền gởi ngân hàng	4.808.587.931	3.206.814.964
Tiền gửi có kỳ hạn (dưới 3 tháng)	2.300.000.000	1.013.000.000
Cộng	**7.128.016.713**	**4.229.054.964**

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng	30/06/2010 VND	Số lượng	31/12/2009 VND
Đầu tư ngắn hạn (cổ phiếu)	27.500	748.995.000	27.500	748.995.000
Công ty CP Sách TBTH Thành phố HCM	*27.500*	*748.995.000*	*27.500*	*748.995.000*
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(361.245.000)		(402.495.000)
Cộng	**27.500**	**387.750.000**	**27.500**	**346.500.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty In - Phát hành sách - Thiết bị trường học Quảng Trị	-	47.963.252
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	-	119.436.699
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Đà Nẵng		293.259.765
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Quảng Nam	-	24.489.108
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Bình Định		181.235.548
Phải thu khác	2.347.488	-
Cộng	**2.347.488**	**666.384.372**

8. Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.253.660.078	11.960.621.103
Chi phí SX, KD dở dang	6.007.779.124	13.674.520.903
Thành phẩm	7.634.525.098	10.878.688.951
Hàng hóa	777.604.647	1.295.847.584
Cộng giá gốc hàng tồn kho	**17.673.568.947**	**37.809.678.541**

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ cho hàng tồn kho	1.128.405.830	1.846.097.866
Cộng	**1.128.405.830**	**1.846.097.866**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	368.894.887	290.876.866
Cộng	**368.894.887**	**290.876.866**

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	372.446.364	453.478.909	159.870.690	985.795.963
Mua sắm trong kỳ	-	1.025.880.909	-	1.025.880.909
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**372.446.364**	**1.479.359.818**	**159.870.690**	**2.011.676.872**
Khấu hao				
Số đầu năm	96.353.559	184.103.981	130.174.098	410.631.638
Khấu hao trong kỳ	31.037.196	48.164.113	20.159.684	99.360.993
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	**127.390.755**	**232.268.094**	**150.333.782**	**509.992.631**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	276.092.805	269.374.928	29.696.592	575.164.325
Số cuối kỳ	**245.055.609**	**1.247.091.724**	**9.536.908**	**1.501.684.241**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	5.486.778.559	5.486.778.559
Mua trong kỳ	423.596.618	423.596.618
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	**5.910.375.177**	**5.910.375.177**
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	5.486.778.559	5.486.778.559
Số cuối kỳ	**5.910.375.177**	**5.910.375.177**

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	30/06/2010 VND	Số lượng	31/12/2009 VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000		5.449.500.000
Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng	*220.000*	*2.530.000.000*	*220.000*	*2.530.000.000*
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	*291.950*	*2.919.500.000*	*291.950*	*2.919.500.000*
- Đầu tư dài hạn khác		*6.350.000.000*		*5.350.000.000*
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản GD Đà Nẵng	*35.000*	*350.000.000*	*35.000*	*350.000.000*
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	*500.000*	*5.000.000.000*	*500.000*	*5.000.000.000*
Công ty CP Sách TB Giáo dục Miền Nam	*100.000*	*1.000.000.000*	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
Cộng	**1.146.950**	**11.799.500.000**	**1.046.950**	**10.799.500.000**

Tại thời điểm 30/06/2010, chỉ có cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sách – TBTH Bình Định niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán BDB, giá giao dịch bình quân tại ngày 30/06/2010 là 11.000 đồng/Cổ phiếu (cao hơn giá gốc đầu tư), các cổ phiếu còn lại đều chưa niêm yết trên các sàn giao dịch. Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm lập báo cáo. Các báo cáo tài chính của các công ty nhận đầu tư đều có lãi, vốn chủ sở hữu bảo toàn và phát triển. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn Ngân hàng liên doanh Việt - Nga - CN Đà Nẵng	-	5.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	**-**	**5.000.000.000**

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	112.120.087
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.736.521.182	1.578.919.421
Thuế thu nhập cá nhân	12.200.268	9.634.869
Cộng	**2.748.721.450**	**1.700.674.377**

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	18.284.200	9.081.637
Cổ tức phải trả	-	3.990.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.984.000	33.093.000
Cộng	**60.268.200**	**4.032.574.637**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2009	**50.000.000.000**	-	**537.653.608**	**103.644.430**	**50.641.298.038**
Tăng trong năm	-	(152.063.710)	436.026.353	8.720.527.055	9.004.489.698
Giảm trong năm				8.798.479.058	8.798.479.058
Số dư tại 31/12/2009	**50.000.000.000**	**(152.063.710)**	**973.679.961**	**25.692.427**	**50.847.308.678**
Số dư tại 01/01/2010	**50.000.000.000**	**(152.063.710)**	**973.679.961**	**25.692.427**	**50.847.308.678**
Tăng trong kỳ	-	(50.175.000)	344.363.137	6.890.462.737	7.184.650.874
Giảm trong kỳ				895.344.156	895.344.156
Số dư tại 30/06/2010	**50.000.000.000**	**(202.238.710)**	**1.318.043.098**	**6.020.811.008**	**57.136.615.396**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	29.840.000.000	29.880.000.000
Giá trị cổ phiếu quỹ tính theo mệnh giá	160.000.000	120.000.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	30/06/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	*5.000.000*	*5.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu thường	*5.000.000*	*5.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	16.000	12.000
- Cổ phiếu thường	*16.000*	*12.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.984.000	4.988.000
- Cổ phiếu thường	*4.984.000*	*4.988.000*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu quỹ

Nhằm mục đích bình ổn giá cổ phiếu DAD trên thị trường chứng khoán, Công ty đã sử dụng 202.238.710 đồng từ Quỹ dự phòng tài chính để mua lại 16.000 cổ phiếu quỹ từ ngày 11/12/2009 đến ngày 05/01/2010.

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	25.692.427	103.644.430
Lợi nhuận bổ sung (Cổ phiếu quỹ không chia cổ tức)	3.200.000	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.887.262.737	8.720.527.055
Phân phối lợi nhuận	895.344.156	8.798.479.058
- Quỹ dự phòng tài chính	*344.363.137*	*436.026.353*
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	*344.363.137*	*610.436.893*
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	*206.617.882*	*261.615.812*
- Chia cổ tức		*7.490.400.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**6.020.811.008**	**25.692.427**

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**56.231.004.587**	**47.537.864.490**
+ Doanh thu sách giáo khoa	43.887.790.791	35.104.542.851
+ Doanh thu sách tham khảo	11.970.105.843	11.362.939.347
+ Doanh thu khác	373.107.953	1.070.382.292
Các khoản giảm trừ doanh thu	**904.819.557**	**626.143.895**
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	*904.819.557*	*626.143.895*
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**55.326.185.030**	**46.911.720.595**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Giá vốn sách giáo khoa	33.593.397.295	28.095.504.778
Giá vốn sách tham khảo	7.368.651.066	7.633.991.583
Giá vốn hoạt động khác	348.205.540	914.166.237
Cộng	**41.310.253.901**	**36.643.662.598**

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	82.752.143	63.494.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	378.989.100	206.073.334
Cộng	**461.741.243**	**269.567.708**

21. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Lãi tiền vay	281.780.376	113.931.000
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	417.827.193	379.903.773
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(41.250.000)	-
Cộng	**658.357.569**	**493.834.773**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.060.208.625	6.008.039.776
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(368.425.072)	(206.073.334)
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	*10.564.028*	-
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	*378.989.100*	*206.073.334*
Tổng thu nhập chịu thuế	8.691.783.553	5.801.966.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	2.172.945.888	1.450.491.610
Thuế TNDN được giảm theo TT 03/2009/TT-BTC	-	435.147.483
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.172.945.888	1.015.344.127
Lợi nhuận sau thuế TNDN	**6.887.262.737**	**4.992.695.649**

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010 VND	6 tháng đầu năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.887.262.737	4.992.695.649
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.887.262.737	4.992.695.649
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.984.110	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.382**	**999**

24. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 09/04/2010 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2009 là 15%/vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng năm 2009 thì năm 2010 Công ty đã tiếp tục chia cổ tức còn lại của năm 2009 là 3.987.200.000 đồng (tỷ lệ 8% vốn điều lệ). Ngày 26/02/2010 là ngày đăng ký cuối cùng, thời gian trả cổ tức từ ngày 17/03/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010:

Các nghiệp vụ phát sinh	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2010 VND
Bán hàng		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	356.112.420
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	513.650.784
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	761.137.920
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	8.639.660.662
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục	Công ty đầu tư	233.200.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.007.007.137
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	169.289.579

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày khóa sổ kế toán

	Mối quan hệ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục	Công ty đầu tư	-	210.700.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	2.570.859.394
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	291.450.728	-
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	1.106.649.002	-
Công ty CP Sách - TBTH Bình Định	Công ty nhận đầu tư	6.817.492.806	-

26. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.